ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU Số: 4278 /QĐ-UBND	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc *Tân châu, ngày 31 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020; Quyết định 3375/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2017 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2013 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 của UBND xã Tân Đông về việc xin phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của phòng NNPTNT tại Tờ trình số 49/TTr-PNNPTNT ngày 30.. tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Đề án xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020 với các nội dung như sau:

1. Bổ sung 10 chỉ tiêu thực hiện xây dựng nông thôn mới so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện bao gồm:

- Chỉ tiêu 6.2 (thuộc tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa): Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định;

- Chỉ tiêu 8.3 (thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền): Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;

- Chỉ tiêu 8.4 (thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền): Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành;

- Chỉ tiêu 13.2 (thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất): Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững;

- Chỉ tiêu 15.3 (thuộc tiêu chí số 15 - Y tế): Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi);

- Chỉ tiêu 17.7 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Chỉ tiêu 17.8 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Chỉ tiêu 18.5 (thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

- Chỉ tiêu 18.6 (thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội;

- Chỉ tiêu 19.1 (thuộc tiêu chí số 19- Quốc phòng và An ninh): Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

2. Điều chỉnh nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện xây dựng nông thôn mới so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện bao gồm:

- Tiêu chí số 11 - hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 giảm từ 3% xuống dưới 1%;

- Chỉ tiêu 14.3 (thuộc tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo): Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo tăng từ trên 40% lên trên 45%;

- Chỉ tiêu 15.1 (thuộc tiêu chí số 15 - Y tế): Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 70% lên 85% trở lên;

- Chỉ tiêu 17.1 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định tăng từ 50% lên 65% (nước sạch theo quy chuẩn 02).

3. Điều chỉnh lộ trình đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện như sau:

- Năm 2017 đạt 7 tiêu chí: Duy trì 06 tiêu chí đã đạt (số 03 - thủy lợi; số 04 - điện; số 08 - thông tin và truyền thông; số 12 - lao động có việc làm; số 16 - văn hóa; số 19 - quốc phòng và an ninh), và đạt mới tiêu chí số 07 - cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Năm 2018 đạt 11 tiêu chí: Duy trì 07 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 01 - quy hoạch; số 06 - cơ sở vật chất văn hóa; số 14 - giáo dục và đào tạo; số 17 - môi trường và an toàn thực phẩm).

- Năm 2019 đạt 15 tiêu chí: Duy trì 11 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 02 - giao thông; số 09 - nhà ở dân cư; số 11 - hộ nghèo; số 13 - tổ chức sản xuất).

- Năm 2020 đạt 19 tiêu chí đạt chuẩn xã nông thôn mới: Duy trì 15 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 05 - trường học; số 10 - thu nhập; số 15 - y tế; số 18 - hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).

4. Nội dung và giải pháp thực hiện các tiêu chí điều chỉnh *(kèm theo Thuyết minh điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020).*

5. Nguồn vốn đầu tư từ 2017-2020: 203.366 triệu đồng, giảm 15.724 triệu đồng lý do loại bỏ công trình trạm nước sạnh Đông Hà, Đông Lợi, trường mẫu giáo Tân Đông đã được đầu tư, điều chỉnh kết cấu đường giao thông bê tông xi măng thành rải phún sỏi đỏ một số công trình (đã được điều chỉnh Đồ án quy hoạch xã nông thôn mới).

Điều 2. UBND xã Tân Đông có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Đề án điều chỉnh bổ sung xây dựng nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định này để các tổ chức, đơn vị và nhân dân biết để thực hiện đúng theo Đề án.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư theo quy hoạch đảm bảo đúng pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm về xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện Tân Châu.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế - Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND xã Tân Đông và thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tạ Châu Lâm

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- Các Sở: XD, TN&MT, NN&PTNT;
- TT.HU-TT.HĐND huyện;
- CT & Các PCT UBND Huyện;
- LưuVP.HĐND-UBND Huyện.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN ĐÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 165/TTr-UBND	*Tân Đông, ngày 16 tháng 10 năm 2017*

TỜ TRÌNH
V/v Xin phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017 - 2020

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu;
- Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện.

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Công văn số 115/UBND-KTN ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 01/03/2017 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 1.200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 903/HD-SXD ngày 26/04/2017 của Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện và đánh giá Tiêu chí 1 – Quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã NTM;

Căn cứ vào Quyết định số 1364/QĐ-UBND của UBND huyện Tân Châu ngày 03/7/2013 phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/7/2017 của UBND huyện Tân Châu về việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Châu;

Căn cứ hướng dẫn số 1993/HD-SXD ngày 01/8/2017 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc hướng dẫn tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 18/04/2013 của Hội đồng nhân dân xã Tân Đông v/v phê chuẩn nhiệm vụ quy hoạch xây dựng NTM xã Tân Đông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương.

UBND xã Tân Đông đã tổ chức thực hiện rà soát Đề án xây dựng xã nông thôn mới xã Tân đông, kết quả với các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:

I. Khái quát tình hình triển khai thực hiện Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt năm 2013

1. Khái quát chung

2. Các kết quả đã đạt được

II. Các căn cứ pháp lý thực hiện điều chỉnh

III. Nội dung bổ sung

1. Bổ sung các chỉ tiêu thực hiện

Bổ sung vào Đề án 10 chỉ tiêu tăng thêm trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Căn cứ Quyết định số 1.200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.

Cụ thể:

-Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa

6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

-Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến ấp.

8.4: Xã có ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành.

-Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất

13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực bảo đảm bền vững.

-Tiêu chí số 15: Y tế

15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

-Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

17.7: Tỷ lệ hô chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

17.8: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

-Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

18.5: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

-Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh.

19.1: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

2. Điều chỉnh chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện

2.1. Hộ nghèo: điều chỉnh giảm từ 3% xuống còn dưới 1%.

2.2. Bảo hiểm y tế: điều chỉnh tăng từ 70% lên 85%.

2.3. Nước sạch: điều chỉnh tăng từ 50% lên 60% (theo quy chuẩn 02).

2.4. Lao động có việc làm qua đào tạo: điều chỉnh tăng từ 40% lên 45%.

3. Điều chỉnh lộ trình đạt các tiêu chí đến năm 2020 (trang 14-15 đề án)

Năm 2017 phấn đất đã đạt 07 tiêu chí

Duy trì 06 tiêu chí và đạt mới 1 tiêu chí là:

-Tiêu chí 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Năm 2018 phấn đất đạt 11 tiêu chí

Duy trì 07 tiêu chí và đạt mới 3 tiêu chí là:

- Tiêu chí 01: Quy hoạch
- Tiêu chí 06: Cơ sở vật chất văn hóa
- Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm
- Tiêu chí 14: Giáo dục và đào tạo

Năm 2019 phấn đất đạt 15 tiêu chí

Duy trì 11 tiêu chí và đạt mới 4 tiêu chí là:

- Tiêu chí 02: Giao thông
- Tiêu chí 11: Hộ nghèo
- Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất
- Tiêu chí 09: Nhà ở dân cư

Năm 2020 phấn đất đạt 19 tiêu chí

Duy trì 15 tiêu chí và đạt mới 4 tiêu chí là:

- Tiêu chí 10: Thu nhập
- Tiêu chí 15: Y tế
- Tiêu chí 05: Trường học
- Tiêu chí 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

4. Nội dung thực hiện tiêu chí điều chỉnh

5. Nguồn vốn đầu tư 2017 - 2020

IV. Kiến nghị, đề xuất

Kèm theo đề án điều chỉnh, bổ sung xây dựng Nông thôn mớ xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020.

UBND xã Tân Đông kính trình Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-Lưu VP.

KT. CHỦ TỊCH
P.CHỦ TỊCH

Phạm Thị Phương

ĐẢNG BỘ HUYỆN TÂN CHÂU
ĐẢNG ỦY XÃ TÂN ĐÔNG
*
Số: 213-BB/ ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Tân Đông, ngày 16 tháng 10 năm 2017

TRÍCH BIÊN BẢN
Họp BCH đình kỳ tháng 10/2017 V/v xin điều chỉnh Bổ sung Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020

Hôm nay, vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại hội trường Đảng ủy xã Tân Đông. Đảng uỷ xã Tân Đông tiến hành họp Ban Chấp hành định kỳ tháng 10/2017.

Thành phần:

- Tổng số đảng ủy viên: 11 đ/c.
- Tổng số đảng ủy viên có mặt: 11 đ/c.
- Tổng số đảng ủy viên vắng mặt: 00 đ/c
- **Chủ trì cuộc họp:** Đ/c Hoàng Hùng Cường – TVHU – Bí thư Đảng ủy.
- **Thư ký ghi biên bản:** Đ/c Huỳnh Ngọc Vẹn - Văn Phòng Đảng ủy.

NỘI DUNG

Tại cuộc họp có 5 nội dung lớn, trong đó nội dung số 5 (cụ thể là 5.4). Ban chấp hành Đảng bộ bàn và thống nhất về việc xin điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020.

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Trích nội dung 5.4 Xin điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020.

1. Đ/c Phạm Thị Phương – PCT.UBND thông qua tờ trình về việc xin điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020

2. Ý kiến:

- Đ/c Trường: Thống nhất tờ trình của UBND. UBND xã cần chú ý lại một số đường đã thống nhất không đưa vào quy hoạch (theo cuộc họp BCĐ Nông thôn mới ngày 14/8/2017)
- Đ/c Cường: Thống nhất, UB cần chú ý những con đường phục vụ lợi ích chung cho đại đa số cộng đồng, tránh quy hoạch đường vào ngõ cụt.

KẾT LUẬN

Tập thể BCH Đảng bộ Thống nhất giao cho Ủy ban xã xem xét điều chỉnh bổ sung.

Biểu quyết: 11/11 đ/c, đạt 100%.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 30 phút cùng ngày, có thông qua cho mọi người cùng nghe.

THƯ KÝ	**CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ**
Huỳnh Ngọc Vẹn	**Hoàng Hùng Cường**

UBND HUYỆN TÂN CHÂU **PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49 / TTr-NNPTNT	*Tân Châu, ngày 30 tháng 10 năm 2017*

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020

Kính gửi: - UBND huyện Tân Châu.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1364/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011- 2020; Quyết định 3375/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2017 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2013 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020;

Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện trình UBND huyện phê duyệt Đề án điều chỉnh bổ sung xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020 với các nội dung như sau:

1. Bổ sung 10 chỉ tiêu thực hiện xây dựng nông thôn mới so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện bao gồm:

- Chỉ tiêu 6.2 (thuộc tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa): Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định;

- Chỉ tiêu 8.3 (thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền): Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;

- Chỉ tiêu 8.4 (thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền): Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành;

- Chỉ tiêu 13.2 (thuộc tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất): Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững;

- Chỉ tiêu 15.3 (thuộc tiêu chí số 15 - Y tế): Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi);

- Chỉ tiêu 17.7 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Chỉ tiêu 17.8 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Chỉ tiêu 18.5 (thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

- Chỉ tiêu 18.6 (thuộc tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội;

- Chỉ tiêu 19.1 (thuộc tiêu chí số 19- Quốc phòng và An ninh): Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

2. Điều chỉnh nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện xây dựng nông thôn mới so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện bao gồm:

- Tiêu chí số 11 - hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 giảm từ 3% xuống dưới 1%;

- Chỉ tiêu 14.3 (thuộc tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo): Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo tăng từ trên 40% lên trên 45%;

- Chỉ tiêu 15.1 (thuộc tiêu chí số 15 - Y tế): Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 70% lên 85% trở lên;

- Chỉ tiêu 17.1 (thuộc tiêu chí số 17- Môi trường và an toàn thực phẩm): Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định tăng từ 50% lên 65% (nước sạch theo quy chuẩn 02).

3. Điều chỉnh lộ trình đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 so với Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND huyện như sau:

- Năm 2017 đạt 7 tiêu chí: Duy trì 06 tiêu chí đã đạt (số 03 - thủy lợi; số 04 - điện; số 08 - thông tin và truyền thông; số 12 - lao động có việc làm; số 16 - văn hóa; số 19 - quốc phòng và an ninh), và đạt mới tiêu chí số 07 - cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Năm 2018 đạt 11 tiêu chí: Duy trì 07 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 01 - quy hoạch; số 06 - cơ sở vật chất văn hóa; số 14 - giáo dục và đào tạo; số 17 - môi trường và an toàn thực phẩm).

- Năm 2019 đạt 15 tiêu chí: Duy trì 11 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 02 - giao thông; số 09 - nhà ở dân cư; số 11 - hộ nghèo; số 13 - tổ chức sản xuất).

- Năm 2020 đạt 19 tiêu chí đạt chuẩn xã nông thôn mới: Duy trì 15 tiêu chí đã đạt, và đạt mới 04 tiêu chí (số 05 - trường học; số 10 - thu nhập; số 15 - y tế; số 18 - hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).

4. Nội dung và giải pháp thực hiện các tiêu chí điều chỉnh *(kèm theo Thuyết minh điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017-2020).*

5. Nguồn vốn đầu tư từ 2017-2020: 203.366 triệu đồng, giảm 15.724 triệu đồng lý do loại bỏ công trình trạm nước sạnh Đông Hà, Đông Lợi, trường mẫu giáo Tân Đông đã được đầu tư, điều chỉnh kết cấu đường giao thông bê tông xi măng thành rải phún sỏi đỏ một số công trình (đã được điều chỉnh Đồ án quy hoạch xã nông thôn mới).

Kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Võ Văn Hoa Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Đông, ngày 05 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN
Xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông giai đoạn 2017- 2020

I. Khái quát tình hình triển khai thực hiện Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt năm 2013

1. Khái quát chung

Việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia NTM đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Năng lực đội ngũ cán từng bước được nâng lên rõ rệt, nhận thức đầy đủ hơn và tổ chức thực hiện chương trình có hiệu quả hơn, nhất là trong việc vận động quần chúng và tổ chức thực hiện các dự án.

Phong trào xây dựng NTM đã có sự chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động trong đội ngũ cán bộ công chức và người dân. Cán bộ công chức đã hiểu rõ mục đích, ý nghĩa cũng như trách nhiệm của mình trong xây dựng NTM. Đa số người dân đã ý thức được vai trò "chủ thể" của mình trong xây dựng NTM và tích cực tham gia hưởng ứng.

Kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển nhanh, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn. Hệ thống chính trị ở nông thôn hoạt động ngày càng hiệu quả. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững.

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm đầu tư. Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất, nhất là các sản phẩm thế mạnh của tỉnh và của địa phương.

2. Các kết quả đã đạt được

Trong 19 tiêu chí NTM, căn cứ vào hiện trạng về cơ bản xã đạt được 06 tiêu chí, là:

- Tiêu chí 03: Thuỷ lợi
-Tiêu chí 04: Điện
- Tiêu chí 08: Thông tin truyền thông
- Tiêu chí 12: Lao động có việc làm
- Tiêu chí 16: Văn hoá
- Tiêu chí 19: Quốc phòng và an ninh

Còn 13 tiêu chí chưa đạt, đó là:

- Tiêu chí số 01: Quy hoạch
- Tiêu chí số 02: Giao thông
- Tiêu chí số 05: Trường học
- Tiêu chí số 06: Cơ sở vật chất văn hóa
-Tiêu chí số 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn
- Tiêu chí số 09: Nhà ở dân cư
- Tiêu chí số 10: Thu nhập
- Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

- Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất
- Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo
- Tiêu chí số 15: Y tế
- Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm
- Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

II. Các căn cứ pháp lý thực hiện điều chỉnh

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Công văn số 115/UBND-KTN ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 01/03/2017 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 1.200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 903/HD-SXD ngày 26/04/2017 của Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện và đánh giá Tiêu chí 1 – Quy hoạch và thực hiện quy hoạch xã NTM;

Căn cứ vào Quyết định số 1364/QĐ-UBND của UBND huyện Tân Châu ngày 03/7/2013 phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/7/2017 của UBND huyện Tân Châu về việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Châu;

Căn cứ hướng dẫn số 1993/HD-SXD ngày 01/8/2017 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc hướng dẫn tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 18/04/2013 của Hội đồng nhân dân xã Tân Đông v/v phê chuẩn nhiệm vụ quy hoạch xây dựng NTM xã Tân Đông giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương.

III. Nội dung bổ sung

1. Bổ sung các chỉ tiêu thực hiện

Bổ sung vào Đề án 10 chỉ tiêu tăng thêm trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Căn cứ Quyết định số 1.200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.

Cụ thể:

-Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa

6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

-Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến ấp.

8.4: Xã có ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành.

-Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất

13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực bảo đảm bền vững.

-Tiêu chí số 15: Y tế

15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

-Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

17.7: Tỷ lệ hô chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

17.8: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

-Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

18.5: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

-Tiêu chí số 19: Quốc phòng và an ninh.

19.1: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

2. Điều chỉnh chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện

2.1. Hộ nghèo: điều chỉnh giảm từ 3% xuống còn dưới 1%.

2.2. Bảo hiểm y tế: điều chỉnh tăng từ 70% lên 85%.

2.3. Nước sạch: điều chỉnh tăng từ 50% lên 60% (theo quy chuẩn 02).

2.4. Lao động có việc làm qua đào tạo: điều chỉnh tăng từ 40% lên 45%.

3. Điều chỉnh lộ trình đạt các tiêu chí đến năm 2020 (trang 14-15 đề án)

Năm 2017 phấn đất đã đạt 07 tiêu chí

Duy trì 06 tiêu chí và đạt mới 1 tiêu chí là:

-Tiêu chí 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Năm 2018 phấn đất đạt 11 tiêu chí

Duy trì 07 tiêu chí và đạt mới 3 tiêu chí là:

- Tiêu chí 01: Quy hoạch
- Tiêu chí 06: Cơ sở vật chất văn hóa
- Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm
- Tiêu chí 14: Giáo dục và đào tạo

Năm 2019 phấn đất đạt 15 tiêu chí

Duy trì 11 tiêu chí và đạt mới 4 tiêu chí là:

- Tiêu chí 02: Giao thông
- Tiêu chí 11: Hộ nghèo
- Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất
- Tiêu chí 09: Nhà ở dân cư

Năm 2020 phấn đất đạt 19 tiêu chí

Duy trì 15 tiêu chí và đạt mới 4 tiêu chí là:

- Tiêu chí 10: Thu nhập
- Tiêu chí 15: Y tế
- Tiêu chí 05: Trường học
- Tiêu chí 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

4. Nội dung thực hiện tiêu chí điều chỉnh

4.1. QUY HOẠCH

Bổ sung kinh phí công bố quy hoạch và cắm mốc thực địa: 48.774.000đ. (trang 15 đề án).

4.2. GIAO THÔNG

Điều chỉnh bổ sung hoàn thành năm 2019 (trang 16-17-18 đề án)

Chỉ tiêu 1: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện.

Tổng cộng có 4 tuyến đường huyện, tổng chiều dài 24,8km; đã đầu tư rải nhựa 2 tuyến, tổng chiều dài 14,9km với kinh phí 30.000 triệu đồng như sau:

-Đường ĐH 812 Sân bay-Tầm Phô, dài 7,3km, nhựa

-Đường ĐH 814 Đông Thành – Suối Dầm - Đông Hà, 7,6km, nhựa

Còn lại 2 tuyến sẽ tiếp tục đầu tư, tổng chiều dài 9,9. kinh phí 21.780 triệu đồng gồm:

-Rải phún đỏ ĐH.806 (đường Suối Dây - Bổ Túc) 3km. kinh phí: 6.600 triệu đồng.

-Rải phún đò ĐH.815 (đường Đông Thành – Suối Lam) 6,9km, kinh phí: 15.180 triệu đồng.

Chỉ tiêu 2: Đường trục ấp, liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Chiều dài 9,1 km. Kinh phí 9.100 triệu đồng .

-Tiếp tục đầu tư đến năm 2020:

+Sỏi đỏ TĐ 01- Đường Đông Thành – Cò Ke- Đông Hà (4,6Km), kinh phí 3.680 triệu.

+Sỏi đỏ TĐ 02- Đường Đông Biên – Đông Hà (3,2Km), kinh phí, 2.560 triệu.

+Nâng cấp từ sỏi đỏ lên trải nhựa TĐ 03- Đường Đông Hiệp – Đông Thành (1,3Km) kinh phí 2.860 triệu đồng.

Chỉ tiêu 3: Điều chỉnh đường ngõ, xóm (dân sinh) sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

Đường ngõ, xóm (cấp C): Tổng cộng có 107 tuyến, Đã đầu tư xây dựng 21 tuyến, còn lại phải đầu tư 86 tuyến tổng chiều dài 42.04km. Là đường đất có nền đường từ 4,5-5,5m, mặt đường từ 2,5-3,5m.

Đã đầu tư xây dựng được 21 tuyến, tổng chiều dài 10,24km, cụ thể như sau:

+Ấp Đông Tiến: Đã xây dựng 9 tuyến đường BTXM gồm:

-Đường ĐT 01 Đông Tiến, BTXM

-Đường ĐT 03 Đông Tiến, BTXM

-Đường ĐT 05 Đông Tiến, BTXM
-Đường ĐT 08 Đông Tiến, BTXM
-Đường ĐT 15 Đông Tiến, BTXM
-Đường ĐT 21 Đông Tiến, Nhựa
-Đường ĐT 22 Đông Tiến, BTXM
-Đường ĐT 23 Đông Tiến, BTXM
-Đường ĐT 24 Đông Tiến, BTXM

+Ấp Đông Thành: Đã xây dựng 4 tuyến đường BTXM gồm

-Đường ĐTH 01 Đông Thành, BTXM.
-Đường ĐTH 02 Đông Thành, BTXM.
-Đường ĐTH 04 Đông Thành, BTXM.
-Đường ĐTH 07 Đông Thành, sỏi đỏ

+Ấp Đông Hiệp: Đã xây dựng 2 tuyến đường BTXM gồm

-Đường ĐHI 05 Đông Hiệp, BTXM.
-Đường ĐHI 07 Đông Hiệp, BTXM.

+Ấp Đông Biên: Đã xây dựng 1 tuyến đường BTXM gồm

-Đường ĐB 05 Đông Biên, BTXM.

+Ấp Đông Hà: Đã xây dựng 2 tuyến đường BTXM gồm

-Đường ĐHA 05 Đông Hà, BTXM.
-Đường ĐHA 06 Đông Hà, BTXM.

-Ấp Đông Lợi: Đã xây dựng 2 tuyến đường BTXM gồm

-Đường ĐL 05 Đông Lợi, BTXM (Đường ĐL 07 Đông Lợi tên đường theo đề án cũ).

-Đường ĐL 08 Đông Lợi, BTXM (Đường ĐL 10 Đông Lợi tên đường theo đề án cũ).

-Ấp Kà ốt: Đã xây dựng 1 tuyến đường BTXM gồm

-Đường KO 01 Kà Ốt, BTXM.

Các công trình còn lại phải đầu tư xây dựng đến năm 2019 là 86 tuyến, chiều dài 42,04km. Kinh phí 47.932 triệu đồng, cụ thể như sau:

-Ấp Đông Tiến: 15 tuyến
-Ấp Đông Thành: 12 tuyến
-Ấp Đông Hiệp: 06 tuyến
-Ấp Đông Biên: 06 tuyến
-Ấp Đông Hà: 14 tuyến
-Ấp Đông Lợi: 06 tuyến
-Ấp Kà ốt: 10 tuyến
-Ấp Tầm Phô: 11 tuyến
-Ấp Suối Dầm: 06 tuyến

Điều chỉnh bổ sung mở mới 09 tuyến đường ngõ, xóm từ 103 tuyến lên 112 tuyến, gồm:

-TP 09 Tầm Phô, dài 120m, điểm đầu nhà Ông Long Mong, điểm cuối nhà Ông Sen Tông

-TP 10 Tầm Phô, dài 210m, điểm đầu nhà Ông Dum sa Cun, điểm cuối Ông Dan Vút

-KO 09 Kà ốt, dài 350m, điểm đầu nhà Tha La, điểm cuối nhà ông San Than

-KO 10 Kà ốt, dài 200m, điểm đầu Ông Cao Văn Vi, điểm cuối nhà Ông Mỹ

-KO 11 Kà ốt, dài 200m, điểm đầu Ông Sai Tân Cuôn, điểm cuối Miếu ông Tà

-ĐHI 08 Đông Hiệp, dài 230m, điểm đầu nhà ông Văn, điểm cuối nhà ô Bảy

-ĐHA 16 Đông Hà, dài 100m, điểm đầu nhà Ông Nghĩa, điểm cuối nhà Ông Linh.

-ĐHA 17 Đông Hà, dài 600m, điểm đầu nhà Ông Sơn, điểm cuối nhà Ông Bi.

-ĐB 7 Đông Biên, dài 500m, điểm đầu nhà Ông Cảnh, điểm cuối nhà ông Thuận.

Loại khỏi 05 tuyến đường ngõ, xóm từ 112 xuống còn 107, gồm:

-ĐHA 11 Đông Hà, điểm đầu nhà Ông Sơn, điểm cuối nhà Ông Luân.

-ĐL 01 Đông Lợi, điểm đầu nhà Ông Ba Ngọt, điểm cuối nhà Ông 5 Tốt.

-ĐL 04 Đông Lợi, điểm đầu nhà Ông 5 Tốt, điểm cuối nhà Ông Hải.

-ĐL 11 Đông Lợi, điểm đầu NĐ 02 Đông Hà, điểm cuối Suối Dầm.

-ĐTH 16 Đông Thành, điểm đầu nhà Ông Tư Nù, điểm cuối nhà Ông Tâm.

Điều chỉnh điểm đầu – điểm cuối các tuyến đường ngõ, xóm gồm:

-Đường ĐB 01 Đông Biên, điểm đầu nhà Ông Thức, điểm cuối nhà ông Dũng. Điều chỉnh thành Đường ĐB 01 Đông Biên, điểm đầu nhà Bà Nga, điểm cuối nhà ông Dũng.

-Đường ĐB 02 Đông Biên, điểm đầu đường nhựa, điểm cuối nghĩa địa. Điều chỉnh thành Đường ĐB 02 Đông Biên, điểm đầu Nhà Ông Tiến, điểm cuối nghĩa địa.

-Đường ĐB 03 Đông Biên, điểm đầu nhà Ông Hội, điểm cuối nhà Ông Hùng. Điều chỉnh thành Đường ĐB 03 Đông Biên, điểm đầu nhà Ông Loan-Hải, điểm cuối nhà Bà Dung.

-Đường KO 06 Kà ốt, dài 200m, điểm đầu nhà Ông Chanh Tha, điểm cuối nhà ông Chhanh Thi. Điều chỉnh thành đường KO 06 Kà ốt, dài 200m, điểm đầu nhà Ông Chanh Tha, điểm cuối nhà ông Chi Sa Phươn.

-Đường ĐL 03 Đông Lợi, điểm đầu nhà Ông Tú, điểm cuối đập đá. Điều chỉnh thành đường ĐL 03 Đông Lợi, điểm đầu nhà Ông Tú, điểm cuối nhà Ông Tuấn.

Lý do điều chỉnh tăng, giảm số lượng và điểm đầu, điểm cuối: Do trước đây khi khảo sát đã thống kê cập nhật số liệu không chính xác

Điều chỉnh tăng chiều dài các tuyến đường ngõ, xóm:

Điều chỉnh tăng chiều dài 02 tuyến đường gồm:

-Đường ĐB 01 Đông Biên được quy hoạch dài 0.2km điều chỉnh thành dài 0.7km.

-Đường ĐB 03 Đông Biên được quy hoạch dài 0.2km điều chỉnh thành dài 0.3km.

Chỉ tiêu 4: Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa quanh năm

Đã đầu tư sỏi đỏ Đường NĐ 01- Kà ốt, dài 1,5Km, Kinh phí 530 triệu đồng

Tiếp tục đầu tư đến năm 2020 Chiều dài 3,2 Km. Kinh phí 2.560 triệu đồng.

- Rải sỏi đỏ Đường NĐ 02- Đông Hà, dài 1Km. Kinh phí 800 triệu đồng
- Rải sỏi đỏ Đường NĐ 03- Đông Biên, dài 1,5Km. Kinh phí 1.200 triệu đồng
- Rải sỏi đỏ Đường NĐ 04- Đông Biên, dài 0,7Km. Kinh phí 560 triệu đồng

Khái toán tổng Kinh phí giao thông là		**81.372 triệu đồng**
Trong đó:	Đường xã:	21.780 triệu đồng
	Đường trục ấp, liên ấp:	9.100 triệu đồng
	Đường ngõ, xóm:	47.932 triệu đồng

Đường trục chính nội đồng: 2.560 triệu đồng

4.3. THỦY LỢI

Mục tiêu: (Đã đạt) tiếp tục duy trì

Bổ sung nhu cầu kinh phí để chủ động tiêu thoát nước tránh ngập úng có 2 công trình cần nạo vét (trang 18 đề án):

-Nạo vét suối sau Phòng khám 100 triệu đồng.

-Nạo vét Suối Tà Béc (19/5) 5.000 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 1.500 triệu đồng.

4.4. ĐIỆN

Điều chỉnh tăng kinh phí kéo điện khu vực tổ 8 ấp Đông Lợi từ 500 triệu đồng lên 1.000 triệu đồng (trang 18 đề án). Tăng 500 triệu đồng.

4.5. TRƯỜNG HỌC

Điều chỉnh lộ trình thực hiện (trang 19 đề án):

- Năm 2019: kinh phí 17.000 triệu đồng. Nâng cấp trường tiểu học Tân Đông A.
- Năm 2020: Kinh phí 17.000 triệu đồng. Nâng cấp trường tiểu học Tân Đông B.
- Năm 2020: Kinh phí 17.000 triệu đồng. Nâng cấp trường Mầm non Bổ Túc.

Tổng kinh phí: 51.000 triệu đồng.

4.6. CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA

Điều chỉnh, bổ sung lộ trình thực hiện (trang 19-20 đề án):

Năm 2017: Xây dựng nhà SH cộng đồng ấp Suối Dầm, kinh phí 660 triệu đồng.

Năm 2018 gồm:

-Nâng cấp nhà SH cộng đồng ấp Đông Biên, kinh phí 300 triệu đồng;

-Xây dựng nhà SH cộng đồng ấp Đông Lợi, kinh phí 660 triệu đồng;

(xin đất của Công ty cao su Tân Biên để xây dựng nhà SHCĐ ấp Đông Lợi 5.000m^2);

-Xây dựng nhà SH cộng đồng ấp Đông Thành, kinh phí 660 triệu đồng;

-Nâng cấp nhà SH cộng đồng ấp Đông Tiến, kinh phí 300 triệu đồng;

-Xây dựng sân bóng đá trung tâm xã, kinh phí 4.600 triệu đồng;

-Xây dựng phòng tập thể thao đơn giản, kinh phí 200 triệu đồng;

-Xây dựng sân bóng chuyền, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ, kinh phí, 100 triệu đồng;

-Xây dựng Trung tâm VHTT- HTCĐ, kinh phí 6.000 triệu đồng;

-Bổ sung: Sân vận động tại ấp Đông Tiến quy hoạch là khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí, 100 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 51.000 triệu đồng.

Tổng kinh phí là 13.580 triệu đồng.

4.7. NHÀ Ở DÂN CƯ

Điều chỉnh, bổ sung lộ trình thực hiện (trang 21 đề án):

-Năm 2017: Vận động nhân dân sửa chữa chỉnh trang 200 căn nhà đạt chuẩn và xây dựng 13 căn nhà đại đoàn kết. Kinh phí 520 triệu đồng.

-Năm 2018: Vận động nhân dân sửa chữa chỉnh trang 200 căn nhà đạt chuẩn và xây dựng 12 căn nhà đại đoàn kết. Kinh phí 480 triệu đồng.

-Năm 2019: Vận động nhân dân sửa chữa chỉnh trang 276 căn nhà đạt chuẩn và xây dựng 10 căn nhà đại đoàn kết. Kinh phí 4000 triệu đồng.

-Năm 2020: Vận động nhân dân sửa chữa chỉnh trang 200 căn nhà đạt chuẩn.

Tổng cộng xây dựng 35 căn nhà đại đoàn kết. Trị giá: 1.400 triệu đồng. Từ nguồn kinh phí quỹ vì người nghèo, vận động các tổ chức từ thiện, các mạnh thường quân trong và ngoài xã.

4.8. THU NHẬP

Điều chỉnh (trang 21 đề án) trong năm 2020 thực hiện cuộc điều tra về thu nhập. Bổ sung kinh phí đều tra 40 triệu đồng.

4.9. HỘ NGHÈO

Năm 2017 Hộ nghèo, cận nghèo của xã: 277 hộ, tỷ lệ: 3,97%.

Xây dựng kế hoạch và có lộ trình giảm nghèo cụ thể từng năm cho từng ấp

Bổ sung (trang 21 đề án) lộ trình thực hiện: Chuẩn dưới 1%.

Năm 2017: giảm 24 hộ, còn lại 64 hộ, tỷ lệ: 1,62%.

Năm 2018: giảm 21 hộ, còn lại 43 hộ, tỷ lệ: 1,09%.

Năm 2019: giảm 17 hộ, còn lại 26 hộ, tỷ lệ: 0,66%.

4.10. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thống kê các lao động phổ thông có tay nghề nhưng chưa qua đào tạo để các phòng chức năng huyện bồi dưỡng cấp chứng chỉ. Hiện nay đã có 1975/8630, tỷ lệ 22,85%.

Bổ sung (trang 22 đề án) Lộ trình thực hiện:

Năm 2017: Có 2.580 người, tỷ lệ 29,89%.

Năm 2018: Có 3.193 người, tỷ lệ 37,05%.

Năm 2019: Có 4.080 người, tỷ lệ 47,27%.

4.11. Y TẾ

-Chỉ tiêu 15.1 Bổ sung lộ trình thực hiện (trang 22 đề án): Chuẩn tăng từ 70% lên trên 85%.

Năm 2017: 75,30% số người sử dụng BHYT;

Năm 2018: 79,50% số người sử dụng BHYT;

Năm 2019: 83,60% số người sử dụng BHYT;

Năm 2020: 88,00% số người sử dụng BHYT;

-Chỉ tiêu 15.3: Bổ sung (trang 21 đề án) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 14,3%.

Hiện nay Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi chiều cao theo tuổi là 22,26%. Phấn đấu hàng năm giảm hợp lý để đến năm 2020 đạt 14,3%.

Bổ sung lộ trình thực hiện:

Năm 2018 giảm còn 19,30%;

Năm 2019 giảm còn 16,80%;

Năm 2020 giảm còn 14,3%.

4.12. MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều chỉnh, bổ sung Lộ trình thực hiện (trang 23 Đề án):

Chỉ tiêu 4: Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

-Năm 2018 Quy hoạnh, nâng cấp nghĩa trang Đông Biên, kinh phí 200 triệu đồng.

-Năm 2019 Quy hoạnh, nâng cấp nghĩa trang Đông Hà, kinh phí 200 triệu đồng.

-Năm 2020 Quy hoạnh, nâng cấp nghĩa trang Đông Tiến, kinh phí 200 triệu đồng.

Tổng kinh phí: 600 triệu đồng.

Loại khỏi đề án xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Đông Hà, Đông Lợi (trang 23 đề án).

5. Nguồn vốn đầu tư 2017 – 2020

Điều chỉnh tổng vốn đầu tư để thực hiện Đề án đến năm 2020 là: 203.366 triệu đồng, giảm 15.724 triệu đồng (trang 25 đề án). Lý do giảm: loại bỏ một số công trình (Trạm nước sạch như: Đông Hà Đông Lợi); trường học: Trường Mẫu giáo Tân Đông đã được đầu tư xây dựng; các công trình đường giao thông (huyện, xã một số tuyến đã được đầu tư xây dựng); đường ngõ, xóm một số tuyến đường đã được đầu tư xây dựng và giảm kết cấu đường bê tông xi măng xuống rải phún đỏ; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đã được đầu tư xây dựng.

Cụ thể nguồn vốn đầu tư:

- Tiêu chí số 01:	Quy hoạch	48.774 triệu đồng
- Tiêu chí số 02:	Giao thông (cầu+đường)	81.452 triệu đồng
- Tiêu chí số 03:	Thủy lợi	5.100 triệu đồng
- Tiêu chí số 04	Điện	1.500 triệu đồng
- Tiêu chí số 05:	Trường học	51.000 triệu đồng
- Tiêu chí số 06:	Cơ sở vật chất văn hóa	13.580 triệu đồng
- Tiêu chí số 09:	Nhà ở dân cư	1.400 triệu đồng
- Tiêu chí số 10:	Thu nhập	40 triệu đồng
- Tiêu chí số 17:	Môi trường và an toàn thực phẩm	600 triệu đồng
	Tổng cộng:	**203.366 triệu đồng**

IV. Kiến nghị, đề xuất:

UBND xã Tân Đông kiến nghị UBND huyện Tân Châu, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện xem xét phê duyệt điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới với các hạng mục nêu trên để xã Tân Đông hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
P. CHỦ TỊCH

Phạm Thị Phương

Nơi nhận:
- Ban chỉ đạo XD NTM huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã,
- Ban CĐ, BQL XD NTM xã;
- Ban phát triển ấp;
- Lưu VP.UBND - HĐND xã

PHỤ LỤC
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2011-2016

STT	Tên công trình GIAO THÔNG	HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH					
		HIỆN TRẠNG			QUY HOẠCH		
		Điểm đầu	Điểm cuối	Dài ĐVT: Km	Lộ giới	Nền đường	Mặt đường
	TỔNG CHIỀU DÀI	**24 tuyến**		**26.64**			
I	**ĐƯỜNG XÃ**	**2 tuyến**		**14.9**			
1	ĐH.812 Tầm Phô – Sân Bay	Giáp đường 785-Kà Tum	Ấp Tầm Phô	7.3	30	9	7
2	ĐH.814 Đ.Thành -S Dầm - Đông Hà	Giáp TL 794	Giáp TL 792	7.6	30	9	7
II	**ĐƯỜNG NGÕ, XÓM**	**21 tuyến**		**10.24**			
	Đông Tiến	**9 tuyến**		**4.49**			
1	Đường ĐT 01 – Đông Tiến	Nhà ông Thạch	Nhà ông Bảnh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐT 03 – Đông Tiến	Nhà bà Thuỷ	Nhà ông Long	0.5	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐT 05 – Đông Tiến	Nhà Dũng Hương	Nhà ông Thạch (Đâu)	0.7	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐT 08 – Đông Tiến	Nhà Dũng Thuỷ	Nhà ông Đắc	1	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐT 15 - Đông Tiến	Mũi tàu-tổ 11	Ruộng Kà Ốt	0.74	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐT 21 – Đông Tiến	Nhà bà Thắng Hợi	Đến đường 785	0.65	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường ĐT 22 – Đông Tiến	Kiệt điện tử	Nhà bà Nga	0.2	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường ĐT 23 – Đông Tiến	Dũng đồng hồ	Đến cuối chợ	0.1	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường ĐT 24 – Đông Tiến	Cặp nhà trẻ	Nhà ông 5 lập	0.1	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Thành	**4 tuyến**		**3.3**			
1	Đường ĐTH 01 –Đông Thành	Nhà ông Kiệt	Trg trại Thanh Bình	1	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐTH 02 –Đông Thành	Nhà ông Nam	Nhà bà Mi	1	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐTH 04 –Đông Thành	Nhà ông Lộc	Nhà ông Sô	0.5	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐTH 07 –Đông Thành	Nhà Ông Na	Nhà ông Tâm	0.8	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Hiệp	**2 tuyến**		**0.7**			
1	Đường ĐHI 05 –Đông Hiệp	Nhà ông Tuấn	Nhà ông 8 Sơn	0.1	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐHI 07–Đông Hiệp	Nhà ông Thanh	Đường ĐHI 01	0.6	20	3,5-5	3-3.5

	Ấp Đông Biên	**1 tuyến**		**0.2**			
1	Đường ĐB 05 –Đông Biên	Nhà ông Bằng	Nhà bà Hiền	0.2	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Hà	**2 tuyến**		**0.6**			
1	Đường ĐHA 05 –Đông Hà	Nhà Ông Sơn	Nhà Ông Thu	0.3	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐHA 06 –Đông Hà	Nhà Ông Vinh	Nhà Ông Báu	0.3	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Lợi	**2 tuyến**		**0.75**			
1	Đường ĐL 05 –Đông Lợi	TL 794	Nhà Ông Báu	0.15	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐL 08 –Đông Lợi	Nhà Ông Hải	Nhà 3 Giàu	0.6	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Kà ốt	**1 tuyến**		**0.2**	20	3,5-5	
1	Đường KO 01 –Kà ốt	ĐH 12	Nhà ông OK Sa Mươn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
III	**Đường nội đồng**	**1 tuyến**		**1.5**	20	3,5-5	
1	Đường NĐ 01 Kà Ốt	Ấp kà ốt	Nhà 5 Năm Đẹt-ĐB	1.5	20	3,5-5	2.5-3.5

PHỤ LỤC
CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CHƯA ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2017-2020

STT	Tên công trình GIAO THÔNG	HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH					
		HIỆN TRẠNG			QUY HOẠCH		
		Điểm đầu	Điểm cuối	Dài ĐVT: Km	Lộ giới	Nền đường	Mặt đường
	TỔNG CHIỀU DÀI	**94 tuyến**		***64.24***			
I	**ĐƯỜNG XÃ**	**02 tuyến**		**9.9**			
1	ĐH.806 Suối Dây - Bổ Túc	Giáp 794	Giáp TL 792	3	30	9	7
2	ĐH.815 Đông Thành - Suối Lam	Giáp TL 794	Giáp TL 792	6.9	30	9	7
II	**ĐƯỜNG TRỤC ẤP, LIÊN ẤP**	**03 tuyến**		**9,1**			
1	TĐ .01 Đông Thành- Cò ke -Đông Hà	Giáp Đông Thành – Đông Hà	Giáp Đông Thành – Đông Hà	4.6	19	3,5-5	6,5-7,5
2	TĐ .02 Đông Biên - Đông Hà	Giáp ĐT.792D	Giáp Đông Thành – Đông Hà	3.2	19	3,5-5	6,5-7,5
3	TĐ .03 Đông Hiệp – Đông Thành	Giáp 785	Đông Thành- SD – Đông Hà	1.3	19	3,5-5	6,5-7,5
III	**ĐƯỜNG NGÕ, XÓM**	**86 tuyến**		**42.04**			
	Đông Tiến	**15 tuyến**		**7.85**			
1	Đường ĐT 02 – Đông Tiến	Nhà bà Dung	Nhà ông Nghĩa	0.3	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐT 04 – Đông Tiến	Sân banh	Sân banh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐT 06 – Đông Tiến	Nhà ông Kế	Nhà ông Tư Bia	0.5	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐT 07 – Đông Tiến	Thuỷ điện	Thủy điện	0.8	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐT 09 – Đông Tiến	Nhà bà Cảnh	Nhà ông Ràng	0.5	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐT 10 – Đông Tiến	Nhà ông Bi	Đến nghĩa trang	0.5	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường ĐT 11 – Đông Tiến	Ngh. Trang	Thủy điện	0.6	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường ĐT 12 – Đông Tiến	Nhà ông Ươn	Đến Kà Ốt	0.4	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường ĐT 13 – Đông Tiến	Nhà ông Điệp	Nhà ông 7 Thuận	0.2	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường ĐT 14 – Đông Tiến	Kế chùa	Nhà bà Sâm	0.15	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐT 16 – Đông Tiến	Nhà ông 7 Liêm	Nhà ông Nhàn	0.6	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐT 17 – Đông Tiến	Nhà ông Trực	Đến cầu xoay Đông Hiệp	0.6	20	3,5-5	3-3.5
13	Đường ĐT 18 – Đông Tiến	Nhà bà Liễu	Nhà ông Phích	2	20	3,5-5	3-3.5
14	Đường ĐT 19 – Đông Tiến	Nhà bà Mũi	Nhà ông Duyên	0.6	20	3,5-5	3-3.5
15	Đường ĐT 20 – Đông Tiến	Hớt tóc quân	Nhà ông Tức	0.6	20	3,5-5	3-3.5

	Ấp Đông Thành	**12 tuyến**		**8.6**			
1	Đường ĐTH 03 –Đông Thành	Nhà ông Ngà	Nhà ông Hụa	0.4	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐTH 05 –Đông Thành	Vào nhà ông Kim	Nhà ông Minh	0.3	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐTH 06 –Đông Thành	Nhà ông Điện	Nhà ông Sang	0.2	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐTH 08 –Đông Thành	Bàu C10	Nhà ông Trung	0.3	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐTH 09 –Đông Thành	Bàu tre	Nhà ông Hà	1	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐTH 10 –Đông Thành	Nhà ô. Tư Cồ	Nhà bà Huệ	1	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường ĐTH 11 –Đông Thành	Nhà ô. Tảo	Nhà ông Phương	1	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường ĐTH 12 –Đông Thành	ĐT 785	Đông Thành- Cò Ke-Đ.Hà	1	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường ĐTH 13 –Đông Thành	Nhà ô. Ba Măng	Nhà ông Thật	1	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường ĐTH 14 –Đông Thành	Nhà ô. Mười Thường	Nhà ông Phương	1	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐTH 15 –Đông Thành	Nhà ô. Lạnh	Nhà ông Cọp	1	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐTH 16 –Đông Thành	Đầu nhà ô.Tý	Nhà ông Đoàn	0.4	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Hiệp	**06 tuyến**		**1.95**			
1	Đường ĐHI 01 –Đông Hiệp	Nhà bà Liên	Nhà bà Mô	0.15	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐHI 03 –Đông Hiệp	Nhà Ông Tư	Nhà Ông Hương	0.2	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐHI 02 –Đông Hiệp	Nhà ông Bào	Nhà ông 8 Sa	0.5	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐHI 04 –Đông Hiệp	VP ấp	Nhà ông 8 Sơn	0.6	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐHI 06 –Đông Hiệp	Nhà ông Liêm	Rẫy	0.1	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐHI 08–Đông Hiệp	Nhà Ông Văn	Nhà Ông Hòa	0.4	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Biên	**06 tuyến**		**4.4**			
1	Đường ĐB 01 –Đông Biên	Nhà Bà Nga	Nhà ông Dũng	0.7	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐB 02 –Đông Biên	Nhà Ông Tiến	Nghĩa địa	0.6	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐB 03 –Đông Biên	Nhà ông Loan- Hải	Nhà Bà Dung	0.3	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐB 04 –Đông Biên	Nhà ông Tam	Bà Hải	0.3	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐB 06 –Đông Biên	Đường nhựa + NĐ 3	Đông Thành-Cò ke-Đông Hà	2	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐB 07- Đông Biên	Nhà Ông Cảnh	Nhà Ông Thuận	0.5	20	3,5-5	
	Ấp Đông Hà	**14 tuyến**		**3.4**			
1	Đường ĐHA 01 –Đông Hà	Nhà Ông An	Ông Hiếu	0.1	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐHA 02 –Đông Hà	Nhà Bà Luyến	Rẫy	0.1	20	3,5-5	3-3.5

3	Đường ĐHA 03 –Đông Hà	Nhà Ông Ngữ	Ông Phương	0.1	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐHA 04 –Đông Hà	Nhà Ông Trượng	Nhà Ông Thiết	0.1	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐHA 07 –Đông Hà	Nhà Ông Tuyên	Nhà Ông Ngôn	0.3	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐHA 08 –Đông Hà	Nhà Ông Mạnh	Nhà Ông Thế	0.1	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường ĐHA 09 –Đông Hà	Nhà Ông Quý	Nhà Ông Tuấn	0.3	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường ĐHA 10 –Đông Hà	Nhà Ông Vạn	Nhà ông Ngôn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường ĐHA 11 –Đông Hà	Nhà Ông Côn	Nhà ông Tính	0.1	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường ĐHA 12 –Đông Hà	Nhà Ông Toàn	Nhà Bà Hồng	0.3	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐHA 13 –Đông Hà	Nhà ông Đường (Bộ)	Vào rẫy	0.5	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐHA 14 –Đông Hà	Rẫy ông Oanh	Nhà Ông Vinh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
13	Đường ĐHA 15 –Đông Hà	Nhà Ông Nghĩa	Nhà Ông Linh	0.1	20	3,5-5	3-3.5
14	Đường ĐHA 16 –Đông Hà	Nhà Ông Sơn	Nhà Ông Bi	0.6	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Lợi	**06 tuyến**		**7.35**			
1	Đường ĐL 01 –Đông Lợi	Nhà Bà. Hoa BT	Ông Sơn	1	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường ĐL 02 –Đông Lợi	Nhà Ô. Tĩnh	Đập đá	3	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường ĐL 03 –Đông Lợi	Nhà Ô Tú	Nhà Ông Tuấn	1	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường ĐL 04 –Đông Lợi	Nhà Ô Ba Tiên	Đập đá	2	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường ĐL 06 –Đông Lợi	Nhà Ông Thao	Nhà Ông Phin	0.15	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường ĐL 07 –Đông Lợi	Nhà Ông Chánh	Nhà Ông Ba Giàu	0.2	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Kà ốt	**10 tuyến**		**2.95**	20	3,5-5	
1	Đường KO 02 –Kà ốt	Tha La	Ruộng	0.2	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường KO 03 –Kà ốt	Nhà ông Nách Chhai	Nhà ông Hinh Chhinh	0.2	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường KO 04 –Kà ốt	Nhà ông Chhai Tân	Nhà ông Sỹ	0.2	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường KO 05 –Kà ốt	Nhà ông Nên Ên	Nhà ông Uch Chênh	0.2	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường KO 06 –Kà ốt	Nhà ông Chanh Tha	Nhà ông Chi Sa Phươn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường KO 07 –Kà ốt	Trường học – cuối ấp	Cuối ấp	0.6	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường KO 08 –Kà ốt	Nhà Tha La	Nhà ông Chhanh Than	0.6	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường KO 09 –Kà ốt	Nhà Tha La	Nhà Ông San Than	0.35	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường KO 10 –Kà ốt	Nhà Ông Cao Văn Vi	Nhà Ông Mỹ	0.2	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường KO 11–Kà ốt	Nhà Ông Sai Tân Cuôn	Miếu Ông Tà	0.2	20	3,5-5	3-3.5

	Ấp Tầm Phô	**11 tuyến**		**3.43**			
1	Đường TP 01 -Tầm phô	Nhà ông Lông Vin	Trường Tiểu học	0.45	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường TP 02 -Tầm phô	Nhà ông Thây Dong	Nhà ông Lông Vin	0.56	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường TP 03 -Tầm phô	Nghĩa trang	Nhà bà Sên Tết	0.19	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường TP 04 -Tầm phô	Nhà ông Yên Phương	Nhà ông Cao Văn Chuc	0.15	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường TP 05 -Tầm phô	Nhà ông Chum Sên	Nhà ông Rin Rươn	0.15	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường TP 06 -Tầm phô	Nhà ông Nhanh sa Vônh	Nhà bà Phi Cao	0.2	20	3,5-5	3-3.5
7	Đường TP 07 -Tầm phô	Nhà ông Lâm Sôc	Nghĩa trang	0.2	20	3,5-5	3-3.5
8	Đường TP 08 -Tầm phô	Rẫy Ông Niêng Bôn	Nhà Dem Kha Mau	0.2	20	3,5-5	3-3.5
9	Đường TP 09 -Tầm phô	TL 792	Nhà ông Niêng Buôn	1	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường TP 10 -Tầm phô	Nhà Ông Long Mong	Nhà Ông Sen Tông	0.12	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường TP 11 -Tầm phô	Nhà Ông Dum Sa Cun	Nhà Ông Dan Vút	0.21	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Suối Dầm	**06 tuyến**		**2.11**			
1	Đường SD 01 –Suối Dầm	Nhà ông Danh Sên	Danh In	0.085	20	3,5-5	3-3.5
2	Đường SD 02 –Suối Dầm	Nhà ông Đây	Lâm Sóc	0.085	20	3,5-5	3-3.5
3	Đường SD 03 –Suối Dầm	Nhà Bà Thị Khum	Danh Kít	0.085	20	3,5-5	3-3.5
4	Đường SD 04 –Suối Dầm	Nhà ông5 Nhiều	Danh Thươn	0.085	20	3,5-5	3-3.5
5	Đường SD 05 –Suối Dầm	Nhà ông 7 Hòa	Rẫy	1	20	3,5-5	3-3.5
6	Đường SD 06 –Suối Dầm	Danh In- cuối ấp	Danh Bưng	0.77	20	3,5-5	3-3.5
IV	**ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH NỘI ĐỒNG**	**03 tuyến**		**3.2**	20	3,5-5	
1	Đường NĐ 02 Ấp Đông Hà	Văn phòng ấp	Nghĩa trang ấp	1	20	3,5-5	2.5-3.5
2	Đường NĐ 03 Ấp Đông Biên	Văn phòng ấp	Khu ruộng	0.7	20	3,5-5	2.5-3.5
3	Đường NĐ 04 Ấp Đông Biên	Đường Đông Biên	Khu nghĩa trang	1.5	20	3,5-5	2.5-3.5

PHỤ LỤC
GIAO THÔNG XÃ TÂN ĐÔNG 2011-2020

HIỆN TRẠNH VÀ QUY HOẠCH					
HIỆN TRẠNG			QUY HOẠCH		
...ểm đầu	Điểm cuối	Dài ĐVT: Km	Lộ giới	Nền đường	Mặt đường
		118,08			
		30.9			
...i ngô	Giáp TL 785	5.5	65		
... Hà	Giáp xã Suối Ngô	13.6	30	9	7
	Giáp 792	4.2	63	22,5	15
... Hội	Giáp xã Tân Hà	7.6	45	12	7
		24.8			
	Giáp TL 792	3	30	9	7
...785-Kà Tum	Ấp Tầm Phô	7.3	30	9	7
...4	Giáp TL 792	7.6	30	9	7
...4	Giáp TL 792	6.9	30	9	7
		9,1			
...Thành – Đông Hà	Giáp Đông Thành – Đông Hà	4.6	19	3,5-5	6,5-7,5
...2D	Giáp Đông Thành – Đông Hà	3.2	19	3,5-5	6,5-7,5
	Đông Thành- SD – Đông Hà	1.3	19	3,5-5	6,5-7,5
		53.28			
		13.34			
...ạch	Nhà ông Bảnh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
...g	Nhà ông Nghĩa	0.3	20	3,5-5	3-3.5
...ỷ	Nhà ông Long	0.5	20	3,5-5	3-3.5
	Sân banh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
...ương	Nhà ông Thạch (Đâu)	0.7	20	3,5-5	3-3.5
...	Nhà ông Tư Bia	0.5	20	3,5-5	3-3.5
	Thủy điện	0.8	20	3,5-5	3-3.5
...huỷ	Nhà ông Đắc	1	20	3,5-5	3-3.5

PHỤ LỤC
QUY HOẠCH GIAO THÔNG XÃ TÂN ĐÔNG 2011-2020

STT	Tên công trình GIAO THÔNG	HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH					
		HIỆN TRẠNG			QUY HOẠCH		
		Điểm đầu	Điểm cuối	Dài ĐVT: Km	Lộ giới	Nền đường	Mặt đường
	TỔNG CHIỀU DÀI	**118,08Km**		*118,08*			
I	**ĐƯỜNG QUỐC LỘ - ĐƯỜNG TỈNH**	**4 tuyến**		**30.9**			
1	ĐT 794 (Quy hoạch QL 14C)	Giáp xã Suối ngô	Giáp TL 785	5.5	65		
2	ĐT 792	Giáp xã Tân Hà	Giáp xã Suối Ngô	13.6	30	9	7
3	ĐT 792.D (Ngã 3 Sô lô-Đồn Bp 819)	Giáp 785	Giáp 792	4.2	63	22,5	15
4	ĐT 785-Kà Tum-Tân Hà -Vạc Sa	Giáp xã Tân Hội	Giáp xã Tân Hà	7.6	45	12	7
II	**ĐƯỜNG XÃ**	**4 tuyến**		**24.8**			
1	ĐH.806 Suối Dây - Bổ Túc	Giáp 794	Giáp TL 792	3	30	9	7
2	ĐH.812 Tầm Phô – Sân Bay	Giáp đường 785-Kà Tum	Ấp Tầm Phô	7.3	30	9	7
3	ĐH.814 Đ.Thành -S Dầm - Đông Hà	Giáp TL 794	Giáp TL 792	7.6	30	9	7
4	ĐH.815 Đông Thành - Suối Lam	Giáp TL 794	Giáp TL 792	6.9	30	9	7
II	**ĐƯỜNG TRỤC ẤP, LIÊN ẤP**	**3 tuyến**		**9,1**			
1	TĐ .01 Đông Thành- Cò ke -Đông Hà	Giáp Đông Thành – Đông Hà	Giáp Đông Thành – Đông Hà	4.6	19	3,5-5	6,5-7,5
2	TĐ .02 Đông Biên - Đông Hà	Giáp ĐT.792D	Giáp Đông Thành – Đông Hà	3.2	19	3,5-5	6,5-7,5
3	TĐ .03 Đông Hiệp – Đông Thành	Giáp 785	Đông Thành- SD – Đông Hà	1.3	19	3,5-5	6,5-7,5
IV	**ĐƯỜNG NGÕ, XÓM**	**107 tuyến**		**53.28**			
	Đông Tiến	**24 tuyến**		**13.34**			
01	Đường ĐT 01 – Đông Tiến	Nhà ông Thạch	Nhà ông Bảnh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐT 02 – Đông Tiến	Nhà bà Dung	Nhà ông Nghĩa	0.3	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐT 03 – Đông Tiến	Nhà bà Thuỷ	Nhà ông Long	0.5	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐT 04 – Đông Tiến	Sân banh	Sân banh	0.5	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐT 05 – Đông Tiến	Nhà Dũng Hương	Nhà ông Thạch (Đâu)	0.7	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐT 06 – Đông Tiến	Nhà ông Kế	Nhà ông Tư Bia	0.5	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐT 07 – Đông Tiến	Thuỷ điện	Thủy điện	0.8	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường ĐT 08 – Đông Tiến	Nhà Dũng Thuỷ	Nhà ông Đắc	1	20	3,5-5	3-3.5

09	Đường ĐT 09 – Đông Tiến	Nhà bà Cảnh	Nhà ông Ràng	0.5	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường ĐT 10 – Đông Tiến	Nhà ông Bi	Đến nghĩa trang	0.5	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐT 11 – Đông Tiến	Ngh. Trang	Thủy điện	0.6	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐT 12 – Đông Tiến	Nhà ông Ươn	Đến Kà Ốt	0.4	20	3,5-5	3-3.5
13	Đường ĐT 13 – Đông Tiến	Nhà ông Điệp	Nhà ông 7 Thuận	0.2	20	3,5-5	3-3.5
14	Đường ĐT 14 – Đông Tiến	Kế chùa	Nhà bà Sâm	0.15	20	3,5-5	3-3.5
15	Đường ĐT 15 - Đông Tiến	Mũi tàu-tổ 11	Ruộng Kà Ốt	0.74	20	3,5-5	3-3.5
16	Đường ĐT 16 – Đông Tiến	Nhà ông 7 Liêm	Nhà ông Nhàn	0.6	20	3,5-5	3-3.5
17	Đường ĐT 17 – Đông Tiến	Nhà ông Trực	Đến cầu xoay Đông Hiệp	0.6	20	3,5-5	3-3.5
18	Đường ĐT 18 – Đông Tiến	Nhà bà Liễu	Nhà ông Phích	2	20	3,5-5	3-3.5
19	Đường ĐT 19 – Đông Tiến	Nhà bà Mũi	Nhà ông Duyên	0.6	20	3,5-5	3-3.5
20	Đường ĐT 20 – Đông Tiến	Hớt tóc quân	Nhà ông Tức	0.6	20	3,5-5	3-3.5
21	Đường ĐT 21 – Đông Tiến	Nhà bà Thắng Hợi	Đến đường 785	0.65	20	3,5-5	3-3.5
22	Đường ĐT 22 – Đông Tiến	Kiệt điện tử	Nhà bà Nga	0.2	20	3,5-5	3-3.5
23	Đường ĐT 23 – Đông Tiến	Dũng đồng hồ	Đến cuối chợ	0.1	20	3,5-5	3-3.5
24	Đường ĐT 24 – Đông Tiến	Cặp nhà trẻ	Nhà ông 5 lập	0.1	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Thành	**16 tuyến**		**11.9**			
01	Đường ĐTH 01 –Đông Thành	Nhà ông Kiệt	Trg trại Thanh Bình	1	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐTH 02 –Đông Thành	Nhà ông Nam	Nhà bà Mi	1	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐTH 03 –Đông Thành	Nhà ông Ngà	Nhà ông Hụa	0.4	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐTH 04 –Đông Thành	Nhà ông Lộc	Nhà ông Sô	0.5	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐTH 05 –Đông Thành	Vào nhà ông Kim	Nhà ông Minh	0.3	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐTH 06 –Đông Thành	Nhà ông Điện	Nhà ông Sang	0.2	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐTH 07 –Đông Thành	Nhà ô.na	Nhà ông Tâm	0.8	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường ĐTH 08 –Đông Thành	Bàu C10	Nhà ông Trung	0.3	20	3,5-5	3-3.5
09	Đường ĐTH 09 –Đông Thành	Bàu tre	Nhà ông Hà	1	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường ĐTH 10 –Đông Thành	Nhà ô. Tư Cồ	Nhà bà Huệ	1	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐTH 11 –Đông Thành	Nhà ô. Tảo	Nhà ông Phương	1	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐTH 12 –Đông Thành	ĐT 785	Đông Thành- Cò Ke-Đ.Hà	1	20	3,5-5	3-3.5
13	Đường ĐTH 13 –Đông Thành	Nhà ô. Ba Măng	Nhà ông Thật	1	20	3,5-5	3-3.5

14	Đường ĐTH 14 –Đông Thành	Nhà ô. Mười Thường	Nhà ông Phương	1	20	3,5-5	3-3.5
15	Đường ĐTH 15 –Đông Thành	Nhà ô. Lạnh	Nhà ông Cọp	1	20	3,5-5	3-3.5
16	Đường ĐTH 16 –Đông Thành	Đầu nhà ô.Tý	Nhà ông Đoàn	0.4	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Hiệp	**8 tuyến**		**2.65**			
01	Đường ĐHI 01 –Đông Hiệp	Nhà bà Liên	Nhà bà Mô	0.15	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐHI 02 –Đông Hiệp	Nhà ông Bào	Nhà ông 8 Sa	0.5	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐHI 03 –Đông Hiệp	Nhà Ông Tư	Nhà Ông Hương	0.2	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐHI 04 –Đông Hiệp	VP ấp	Nhà ông 8 Sơn	0.6	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐHI 05 –Đông Hiệp	Nhà ông Tuấn	Nhà ông Năm Hận	0.1	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐHI 06 –Đông Hiệp	Nhà ông Liêm	Rẫy	0.1	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐHI 07–Đông Hiệp	Nhà ông Thanh	Đường ĐHI 01	0.6	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường ĐHI 08–Đông Hiệp	Nhà Ông Văn	Nhà Ông Hòa	0.4	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Biên	**7 tuyến**		**4.6**			
01	Đường ĐB 01 –Đông Biên	Nhà Bà Nga	Nhà ông Dũng	0.7	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐB 02 –Đông Biên	Nhà Ông Tiến	Nghĩa địa	0.6	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐB 03 –Đông Biên	Nhà ông Loan- Hải	Nhà Bà Dung	0.3	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐB 04 –Đông Biên	Nhà ông Tam	Bà Hải	0.3	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐB 05 –Đông Biên	Nhà ông Bằng	Nhà bà Hiền	0,2	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐB 06 –Đông Biên	Đường nhựa + NĐ 3	Đông Thành-Cò ke-Đông Hà	2	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐB 07- Đông Biên	Nhà Ông Cảnh	Nhà Ông Thuận	0.5	20	3,5-5	
	Ấp Đông Hà	**16 tuyến**		**4**			
01	Đường ĐHA 01 –Đông Hà	Nhà Ông An	Ông Hiếu	0.1	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐHA 02 –Đông Hà	Nhà Bà Luyến	Rẫy	0.1	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐHA 03 –Đông Hà	Nhà Ông Ngữ	Ông Phương	0.1	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐHA 04 –Đông Hà	Nhà Ông Trượng	Nhà Ông Thiết	0.1	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐHA 05 –Đông Hà	Nhà Ông Sơn	Nhà Ông Thu	0.3	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐHA 06 –Đông Hà	Nhà Ông Vinh	Nhà Ông Báu	0.3	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐHA 07 –Đông Hà	Nhà Ông Tuyên	Nhà Ông Ngôn	0.3	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường ĐHA 08 –Đông Hà	Nhà Ông Mạnh	Nhà Ông Thế	0.1	20	3,5-5	3-3.5
09	Đường ĐHA 09 –Đông Hà	Nhà Ông Quý	Nhà Ông Tuấn	0.3	20	3,5-5	3-3.5

10	Đường ĐHA 10 –Đông Hà	Nhà Ông Vạn	Nhà ông Ngôn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường ĐHA 11 –Đông Hà	Nhà Ông Côn	Nhà ông Tính	0.1	20	3,5-5	3-3.5
12	Đường ĐHA 12 –Đông Hà	Nhà Ông Toàn	Nhà Bà Hồng	0.3	20	3,5-5	3-3.5
13	Đường ĐHA 13 –Đông Hà	Nhà ông Đường (Bộ)	Vào rẫy	0.5	20	3,5-5	3-3.5
14	Đường ĐHA 14 –Đông Hà	Nhà Ông Đường - Bộ	Rẫy nhà Ông Định	0.5	20	3,5-5	3-3.5
15	Đường ĐHA 15 –Đông Hà	Rẫy nhà Ông Oanh	Nhà Ông Vinh	0.1	20	3,5-5	3-3.5
16	Đường ĐHA 16 –Đông Hà	Nhà Ông Nghĩa	Nhà Ông Linh	0.6	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Đông Lợi	**8 tuyến**		**8.1**			
01	Đường ĐL 01 –Đông Lợi	Nhà Bà. Hoa BT	Ông Sơn	1	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường ĐL 02 –Đông Lợi	Nhà Ô. Tĩnh	Đập đá	3	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường ĐL 03 –Đông Lợi	Nhà Ô Tú	Nhà Ông Tuấn	1	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường ĐL 04 –Đông Lợi	Nhà Ô Ba Tiên	Nhà Ông Châu	2	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường ĐL 05 –Đông Lợi	TL 794	Nhà Ông Báu	0.15	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường ĐL 06 –Đông Lợi	Nhà Ông Thao	Nhà Ông Phin	0.15	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường ĐL 07 –Đông Lợi	Nhà Ông Chánh	Nhà Ông Ba Giàu	0.2	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường ĐL 08 –Đông Lợi	Nhà Ông Hải	Nhà 3 Giàu	0.6	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Kà ốt	**11 tuyến**		**3.15**	20	3,5-5	
01	Đường KO 01 –Kà ốt	ĐH 12	Nhà ông OK Sa Mươn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường KO 02 –Kà ốt	Tha La	Ruộng	0.2	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường KO 03 –Kà ốt	Nhà ông Nách Chhai	Nhà ông Hinh Chhinh	0.2	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường KO 04 –Kà ốt	Nhà ông Chhai Tân	Nhà ông Sỹ	0.2	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường KO 05 –Kà ốt	Nhà ông Nên Ên	Nhà ông Uch Chênh	0.2	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường KO 06 –Kà ốt	Nhà ông Chanh Tha	Nhà ông Chi Sa Phươn	0.2	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường KO 07 –Kà ốt	Trường học – cuối ấp	Cuối ấp	0.6	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường KO 08 –Kà ốt	Nhà Tha La	Nhà ông Chhanh Than	0.6	20	3,5-5	3-3.5
09	Đường KO 09 –Kà ốt	Nhà Tha La	Nhà Ông San Than	0.35	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường KO 10 –Kà ốt	Nhà Ông Cao Văn Vi	Nhà Ông Mỹ	0.2	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường KO 11–Kà ốt	Nhà Ông Sai Tân Cuôn	Miếu Ông Tà	0.2	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Tầm Phô	**11 tuyến**		**3.43**			
01	Đường TP 01 -Tầm phô	Nhà ông Lông Vin	Trường Tiểu học	0.45	20	3,5-5	3-3.5

02	Đường TP 02 -Tầm phô	Nhà ông Thây Dong	Nhà ông Lông Vin	0.56	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường TP 03 -Tầm phô	Nghĩa trang	Nhà bà Sên Tết	0.19	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường TP 04 -Tầm phô	Nhà ông Yên Phương	Nhà ông Cao Văn Chuc	0.15	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường TP 05 -Tầm phô	Nhà ông Chum Sên	Nhà ông Rin Rươn	0.15	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường TP 06 -Tầm phô	Nhà ông Nhanh sa Vônh	Nhà bà Phi Cao	0.2	20	3,5-5	3-3.5
07	Đường TP 07 -Tầm phô	Nhà ông Lâm Sôc	Nghĩa trang	0.2	20	3,5-5	3-3.5
08	Đường TP 08 -Tầm phô	Rẫy Ông Niêng Bôn	Nhà Dem Kha Mau	0.2	20	3,5-5	3-3.5
09	Đường TP 09 -Tầm phô	TL 792	Nhà ông Niêng Buôn	1	20	3,5-5	3-3.5
10	Đường TP 10 -Tầm phô	Nhà Ông Long Mong	Nhà Ông Sen Tông	0.12	20	3,5-5	3-3.5
11	Đường TP 11 -Tầm phô	Nhà Ông Dum Sa Cun	Nhà Ông Dan Vút	0.21	20	3,5-5	3-3.5
	Ấp Suối Dầm	**6 tuyến**		**2.11**			
01	Đường SD 01 –Suối Dầm	Nhà ông Danh Sên	Danh In	0.085	20	3,5-5	3-3.5
02	Đường SD 02 –Suối Dầm	Nhà ông Đây	Lâm Sóc	0.085	20	3,5-5	3-3.5
03	Đường SD 03 –Suối Dầm	Nhà Bà Thị Khum	Danh Kít	0.085	20	3,5-5	3-3.5
04	Đường SD 04 –Suối Dầm	Nhà ông5 Nhiều	Danh Thươn	0.085	20	3,5-5	3-3.5
05	Đường SD 05 –Suối Dầm	Nhà ông 7 Hòa	Rẫy	1	20	3,5-5	3-3.5
06	Đường SD 06 –Suối Dầm	Danh In- cuối ấp	Danh Bưng	0.77	20	3,5-5	3-3.5
V	**ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH NỘI ĐỒNG**	**4 tuyến**		**4.7**	20	3,5-5	
01	Đường NĐ 01 Kà Ốt	Ấp kà ốt	Nhà 5 Năm Đẹt-ĐB	1.5	20	3,5-5	2.5-3.5
02	Đường NĐ 02 Ấp Đông Hà	Văn phòng ấp	Nghĩa trang ấp	1	20	3,5-5	2.5-3.5
03	Đường NĐ 03 Ấp Đông Biên	Văn phòng ấp	Khu ruộng	0.7	20	3,5-5	2.5-3.5
04	Đường NĐ 04 Ấp Đông Biên	Đường Đông Biên	Khu nghĩa trang	1.5	20	3,5-5	2.5-3.5